

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ : NAM VÀ NỮ

I – MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mở rộng vốn từ : Biết được các từ ngữ chỉ phẩm chất đáng quý của phụ nữ Việt Nam, các câu tục ngữ ca ngợi phẩm chất của phụ nữ Việt Nam.
2. Tích cực hoá vốn từ bằng cách đặt câu với các câu tục ngữ đó.

II – ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC

- Bút dạ và một vài tờ phiếu khổ to kẻ bảng nội dung BT1a ; để khoảng trống cho HS làm BT1b.
- Một vài tờ giấy khổ to để HS làm BT3.

III – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

A – KIỂM TRA BÀI CŨ

Hai HS tìm ví dụ nói về ba tác dụng của dấu phẩy – dựa theo bảng tổng kết ở BT1, tiết ôn tập về dấu phẩy.

219

+ Mỗi HS đặt câu có sử dụng 1 trong 3 câu tục ngữ nêu ở BT2.

+ GV nhắc HS cần hiểu là không chỉ đặt 1 câu văn mà có khi phải đặt vài câu rồi mới dẫn ra được câu tục ngữ.

– GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi nêu ví dụ. (VD : Mẹ em là người phụ nữ yêu thương chồng con, luôn nhường nhịn, hi sinh, như tục ngữ xưa có câu : *Chỗ ướm mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.* (1 câu) / Nói đến nữ anh hùng Út Tịch, mọi người nhớ ngay đến câu tục ngữ : *Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.* (1 câu) / Vừa qua nhà em gặp nhiều chuyện không may. Nhờ mẹ đảm đang, giỏi giang, một mình chèo chống, mọi chuyện cuối cùng cũng tốt đẹp. Bố em bảo, đúng là : *Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi.* (3 câu))

– HS suy nghĩ, tiếp nối nhau đọc câu văn của mình. GV nhận xét, kết luận những HS nào đặt được câu văn có sử dụng câu tục ngữ đúng với hoàn cảnh và hay nhất.

* Chú ý : GV đánh giá cao hơn những câu văn sử dụng câu tục ngữ với nghĩa bóng. VD : Nếu HS nêu hoàn cảnh mẹ nằm chỗ ướm để em bé nằm chỗ ráo rồi dẫn câu tục ngữ *Chỗ ướm mẹ nằm, chỗ ráo con lăn* – đó vẫn là hoàn cảnh trong nghĩa đen.

3. Củng cố, dặn dò

GV nhận xét tiết học. Dặn HS hiểu đúng và ghi nhớ những từ ngữ, tục ngữ vừa được cung cấp qua tiết học.

B – DẠY BÀI MỚI

1. Giới thiệu bài : GV nêu MĐ, YC của tiết học.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập

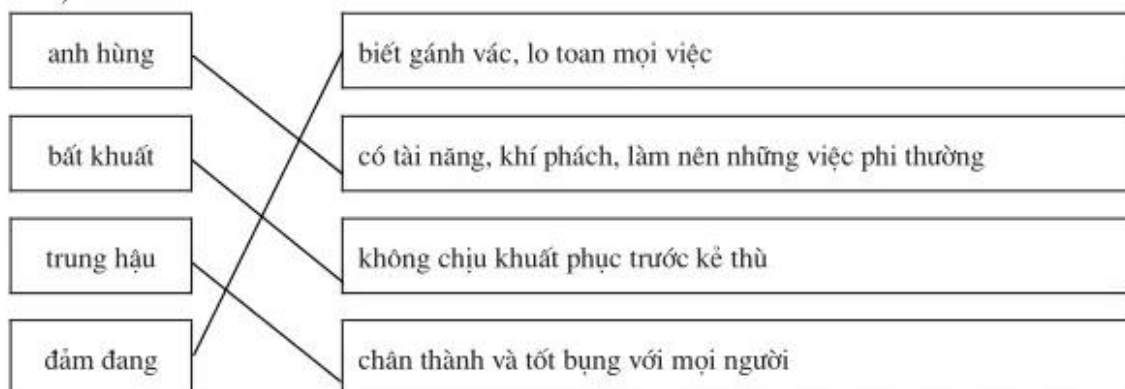
Bài tập 1

– HS đọc yêu cầu của BT1.

– HS làm bài vào vở hoặc VBT, trả lời lần lượt các câu hỏi a, b. GV phát bút dạ và phiếu cho 3 – 4 HS.

– Những HS làm bài trên phiếu trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung, chốt lại lời giải đúng :

a)



b) Những từ ngữ chỉ các phẩm chất khác của phụ nữ Việt Nam : chăm chỉ ; cần cù ; nhân hậu ; khoan dung ; độ lượng ; dịu dàng ; biết quan tâm đến mọi người ; có đức hi sinh, nhường nhịn ; ...

Bài tập 2

– HS đọc yêu cầu của bài, suy nghĩ, phát biểu ý kiến. GV nhận xét, chốt lại :

- | | |
|---|--|
| + <i>Chỗ ướt mẹ nằm, chỗ ráo con lăn.</i> (Mẹ bao giờ cũng nhường những gì tốt nhất cho con.) | + Lòng thương con, đức hi sinh, nhường nhịn của người mẹ. |
| + <i>Nhà khó cậy vợ hiền, nước loạn nhờ tướng giỏi</i> (Khi cảnh nhà khó khăn, phải trông cậy vào người vợ hiền. Đất nước có loạn, phải nhờ cậy vị tướng giỏi.) | + Phụ nữ rất đảm đang, giỏi giang, là người giữ gìn hạnh phúc, giữ gìn tổ ấm gia đình. |
| + <i>Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.</i> (Đất nước có giặc, phụ nữ cũng tham gia diệt giặc.) | + Phụ nữ dũng cảm, anh hùng. |

– HS nhắm HTL các câu tục ngữ. Một vài HS thi đọc thuộc lòng.

Bài tập 3

– HS đọc yêu cầu của BT3.

– GV nhắc HS hiểu đúng yêu cầu của BT :